

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
Số: 10633	
ĐẾN Ngày: 31/03/15	
Chuyển: Mfn	
Lưu hồ sơ số:	

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 38
8. Phụ lục	39 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần S.P.M hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302271207, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 15 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 140.000.000.000 VND

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 07 tháng 5 năm 2010 với mã chứng khoán là SPM.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 37 507 496
Fax : (84-8) 38 771 010
Mã số thuế : 0302271207

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện	C4 – C8 Bửu Long, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Mua bán mỹ phẩm, dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm, bán buôn thực phẩm chức năng;
- Sản xuất dược phẩm;
- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, văn phòng, dịch vụ cho thuê kho, kinh doanh nhà;
- Sản xuất thực phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn sắt, thép.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 41).



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch	01 tháng 3 năm 2007	-
Bà Đỗ Thị Mai	Thành viên	01 tháng 3 năm 2007	-
Ông Đào Hữu Khôi	Thành viên	01 tháng 3 năm 2007	-
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Thành viên	06 tháng 6 năm 2007	-
Ông Huỳnh Phú Hải	Thành viên	06 tháng 6 năm 2007	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Quốc Dũng	Trưởng ban	29 tháng 11 năm 2013	-
Ông Bùi Thế Dũng	Thành viên	10 tháng 7 năm 2008	-
Bà Ôn Ngọc Lan	Thành viên	10 tháng 12 năm 2002	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Tổng Giám đốc	10 tháng 12 năm 2002	-
Ông Huỳnh Phú Hải	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2007	-
Ông Văn Tất Chiến	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2007	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

0440010
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN
A & C
7-T.P.HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0349/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần S.P.M, được lập ngày 01 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần S.P.M tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C




Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2015


Hoàng Thái Vượng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2013-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		706.050.008.760	659.654.924.182
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.432.201.175	6.125.237.523
1. Tiền	111		1.432.201.175	6.125.237.523
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		80.781.103.364	93.265.648.574
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	91.881.103.364	93.265.648.574
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(11.100.000.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		568.934.331.904	519.224.723.610
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	496.365.206.814	444.120.716.950
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	7.300.895.209	8.762.913.787
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	73.222.759.474	68.026.315.908
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(7.954.529.593)	(1.685.223.035)
IV. Hàng tồn kho	140		53.028.677.202	38.156.062.144
1. Hàng tồn kho	141	V.8	53.832.134.161	39.141.863.226
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(803.456.959)	(985.801.082)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.873.695.115	2.883.252.331
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1.027.519.546	362.134.160
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		327.352.304	1.955.828.927
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	-	190.068.674
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	518.823.265	375.220.570

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		452.497.329.748	458.134.852.589
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		379.554.719.277	384.416.561.484
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	88.671.391.742	94.778.904.969
<i>Nguyên giá</i>	222		201.071.412.363	194.117.937.127
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(112.400.020.621)	(99.339.032.158)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	5.289.554.005	5.378.479.289
<i>Nguyên giá</i>	228		7.413.228.378	7.329.976.178
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.123.674.373)	(1.951.496.889)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	285.593.773.530	284.259.177.226
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		71.296.296.825	71.296.296.825
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	26.971.296.825	26.971.296.825
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	44.325.000.000	44.325.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.646.313.646	2.421.994.280
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	1.416.285.920	2.421.994.280
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.18	230.027.726	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.158.547.338.508	1.117.789.776.771

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		464.482.265.865	459.095.292.237
I. Nợ ngắn hạn	310		241.579.432.615	236.154.197.672
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	173.180.032.404	157.254.283.109
2. Phải trả người bán	312	V.20	16.183.487.671	26.911.373.520
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	1.036.519.650	518.730.208
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	2.255.873.041	4.879.475.449
5. Phải trả người lao động	315	V.23	2.462.801.234	2.145.496.996
6. Chi phí phải trả	316	V.24	2.360.326.145	572.618.274
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	44.100.392.470	43.872.220.116
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		222.902.833.250	222.941.094.565
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	222.902.833.250	222.902.833.250
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	38.261.315
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		694.065.072.643	658.694.484.534
I. Vốn chủ sở hữu	410		694.065.072.643	658.694.484.534
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	140.000.000.000	140.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	210.885.368.500	210.885.368.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.27	(10.036.370.000)	(10.036.370.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	353.216.074.143	317.845.486.034
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.158.547.338.508	1.117.789.776.771

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	122.500.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		1.236,61	1.016,89
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	656.883.342.543	521.298.163.096
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	99.145.743.891	80.167.367.593
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	557.737.598.652	441.130.795.503
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	423.846.671.931	356.884.853.180
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		133.890.926.721	84.245.942.323
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.339.502.052	14.997.162.872
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	25.420.251.788	30.196.202.544
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.592.817.983	16.786.729.966
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	55.921.753.066	37.198.683.089
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	18.150.811.344	11.479.358.025
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.737.612.575	20.368.861.537
11. Thu nhập khác	31		207.413.763	110.633.338
12. Chi phí khác	32		91.292.663	253.671.526
13. Lợi nhuận khác	40		116.121.100	(143.038.188)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.853.733.675	20.225.823.349
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	5.421.681.329	2.544.956.845
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(268.289.042)	176.580.826
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>35.700.341.388</u>	<u>17.504.285.678</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>2.593</u>	<u>1.271</u>


 Nguyễn Quốc Thịnh
 Người lập biểu


 Bùi Công Sơn
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thế Kỳ
 Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.853.733.675	20.225.823.349
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, 13	13.233.165.947	13.944.402.127
- Các khoản dự phòng	03	V.3, 7, 9	17.186.962.435	1.263.351.522
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(905.690.512)	222.586.823
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(5.181.873.551)	(2.685.519.160)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	13.592.817.983	16.786.729.966
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		78.779.115.977	49.757.374.627
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(53.059.409.191)	(68.512.957.532)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.690.270.935)	3.726.262.562
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(10.731.270.706)	(3.054.368.606)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		340.322.974	713.084.077
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.24; VI.4	(13.039.546.329)	(16.946.614.275)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(5.212.565.457)	(8.593.838.327)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.613.623.667)	(42.911.057.474)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, 13, 14; VII	(2.191.323.740)	(3.111.572.990)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.587.690.950)	(12.106.357.600)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		203.145.740	45.256.494.700
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(507.820.565)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.3	570.583.152	1.216.299.780
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.005.285.798)	30.747.043.325

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	452.155.596.736	379.922.617.112
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(436.229.847.441)	(372.579.530.272)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><u>15.925.749.295</u></u>	<u><u>7.343.086.840</u></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.693.160.170)	(4.820.927.309)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.125.237.523	10.955.373.953
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		123.822	(9.209.121)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u><u>1.432.201.175</u></u>	<u><u>6.125.237.523</u></u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2015


Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu


Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc



0815-
3 TY
HỮU
VÀ TUV
C
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và mua bán dược phẩm; Kinh doanh vật liệu xây dựng.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 309 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 234 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:
 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
 - Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

6. Tài sản thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 46 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư tài chính dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ đã được đưa vào sử dụng và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.087 VND/USD
31/12/2014 : 21.373 VND/USD

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	575.148.202	65.297.370
Tiền gửi ngân hàng	857.052.973	5.259.940.153
Tiền đang chuyển	-	800.000.000
Cộng	<u>1.432.201.175</u>	<u>6.125.237.523</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành vay	5.766.479.525	5.766.479.525
Cho Ông Đào Hữu Hoàng vay	49.114.623.839	50.499.169.049
Cho Công ty cổ phần Tập đoàn ASV vay	37.000.000.000	37.000.000.000
Cộng	<u>91.881.103.364</u>	<u>93.265.648.574</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng cho các khoản cho vay ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(11.100.000.000)	-
Số cuối năm	<u>(11.100.000.000)</u>	<u>-</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành	471.462.581.063	420.587.657.188
Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị	11.453.833.744	13.533.047.486
Các khách hàng khác	13.448.792.007	10.000.012.276
Cộng	<u>496.365.206.814</u>	<u>444.120.716.950</u>

Các khoản phải thu đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	5.662.916.417	8.538.075.669
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.637.978.792	224.838.118
Cộng	<u>7.300.895.209</u>	<u>8.762.913.787</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lãi dự thu	57.434.211.276	52.822.920.877
Phải thu hàng giao gia công	901.801.920	622.722.463
Phải thu tiền chuyển nhượng các khoản đầu tư góp vốn.	14.205.000.000	14.205.000.000
Các khoản phải thu khác	681.746.278	375.672.568
Cộng	<u>73.222.759.474</u>	<u>68.026.315.908</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(1.685.223.035)	(394.549.906)
Trích lập dự phòng bổ sung	(6.269.306.558)	(1.290.673.129)
Số cuối năm	<u>(7.954.529.593)</u>	<u>(1.685.223.035)</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	495.250.640	6.012.037.652
Nguyên liệu, vật liệu	25.268.774.387	25.542.524.811
Công cụ, dụng cụ	47.329.739	183.114.864
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.250.676.986	6.661.062.059
Thành phẩm	953.770.286	743.123.840
Hàng hóa	18.816.332.123	-
Cộng	<u>53.832.134.161</u>	<u>39.141.863.226</u>

Hàng hóa tồn kho được định giá 37.049.017.216 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.19).

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá nguyên liệu tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(985.801.082)	(1.013.122.689)
Hoàn nhập dự phòng	182.344.123	27.321.607
Số cuối năm	<u>(803.456.959)</u>	<u>(985.801.082)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	323.051.186	195.681.037
Chi phí khác	704.468.360	166.453.123
Cộng	<u>1.027.519.546</u>	<u>362.134.160</u>

11. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho nhân viên.

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	70.123.669.565	121.984.534.731	970.040.491	1.039.692.340	194.117.937.127
Mua sắm mới	-	3.321.281.840	-	-	3.321.281.840
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.949.073.696	-	683.119.700	-	3.632.193.396
Số cuối năm	<u>73.072.743.261</u>	<u>125.305.816.571</u>	<u>1.653.160.191</u>	<u>1.039.692.340</u>	<u>201.071.412.363</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.037.131.069	32.934.618.328	323.060.217	1.039.692.340	37.334.501.954
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	18.809.264.789	78.992.343.344	497.731.685	1.039.692.340	99.339.032.158
Khấu hao trong năm	2.897.016.786	10.067.562.280	96.409.397	-	13.060.988.463
Số cuối năm	<u>21.706.281.575</u>	<u>89.059.905.624</u>	<u>594.141.082</u>	<u>1.039.692.340</u>	<u>112.400.020.621</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	51.314.404.776	42.992.191.387	472.308.806	-	94.778.904.969
Số cuối năm	<u>51.366.461.686</u>	<u>36.245.910.947</u>	<u>1.059.019.109</u>	<u>-</u>	<u>88.671.391.742</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 124.370.235.278 VND và 39.278.928.460 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (xem thuyết minh số V.19).

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.281.897.278	48.078.900	7.329.976.178
Mua sắm mới	-	83.252.200	83.252.200
Số cuối năm	<u>7.281.897.278</u>	<u>131.331.100</u>	<u>7.413.228.378</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	48.078.900	48.078.900

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.903.417.989	48.078.900	1.951.496.889
Khấu hao trong năm	158.302.116	13.875.368	172.177.484
Số cuối năm	2.061.720.105	61.954.268	2.123.674.373
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.378.479.289	-	5.378.479.289
Số cuối năm	5.220.177.173	69.376.832	5.289.554.005
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (xem thuyết minh số V.19).

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCD trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCD	442.750.000	728.939.700	(683.119.700)	488.570.000
XDCB dở dang	283.816.427.226	4.237.850.000	(2.949.073.696)	285.105.203.530
- Dự án khu nhà ở Long Trường ⁽¹⁾	280.807.353.530	4.237.850.000	-	285.045.203.530
- Bệnh viện sản phụ khoa Phú Thọ	60.000.000	-	-	60.000.000
- Xưởng sản xuất thuốc đông dược	2.949.073.696	-	(2.949.073.696)	-
Cộng	284.259.177.226	4.966.789.700	(3.632.193.396)	285.593.773.530

⁽¹⁾ Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 07 tháng 12 năm 2007, Công ty cổ phần S.P.M, Bà Đỗ Thị Hằng và Bà Chu Thị Thu Phương cam kết cùng hợp tác để đầu tư xây dựng khu nhà ở kinh doanh trên khu đất diện tích 188.200 m² tại phường Long Trường, quận 9 theo Quyết định số 10006/UBND-QLDT của Ủy ban Nhân dân quận 9 ngày 22 tháng 6 năm 2007 và Quyết định số 4310/KTST-QH ngày 29 tháng 11 năm 2002 về hướng dẫn quy hoạch về địa điểm xây dựng của Văn phòng kiến trúc sư. Theo đó, các bên sẽ được hưởng toàn bộ lợi nhuận sau thuế phát sinh từ dự án cũng như chịu các rủi ro theo tỷ lệ quy định theo tỷ lệ góp vốn. Dự án đã hoàn thành xong công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng.

Sau đó, Công ty cổ phần S.P.M (đại diện cho phần vốn của Công ty cổ phần S.P.M, Bà Đỗ Thị Hằng và Bà Chu Thị Thu Phương) đã ký hợp đồng hợp tác với Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà ngày 14 tháng 01 năm 2010 để tiếp tục thực hiện giai đoạn 2 của dự án là đầu tư hạ tầng và xây dựng công trình. Theo hợp đồng hợp tác này, Công ty cổ phần S.P.M phải hoàn tất các thủ tục pháp lý và trình các cấp thẩm quyền giao toàn bộ diện tích thuộc dự án cho liên danh Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà – Công ty cổ phần S.P.M là chủ đầu tư dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310092064 thay đổi lần thứ 02 ngày 09 tháng 9 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần được phẩm Ánh Sao Việt là 37.500.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đầu tư 26.971.296.825 VND, tương đương 21,58% vốn điều lệ của Công ty cổ phần được phẩm Ánh Sao Việt. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 10.528.703.175 VND.

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư góp vốn		9.325.000.000		9.325.000.000
- Công ty cổ phần chứng khoán quốc tế Hoàng gia	675.000	6.750.000.000	675.000	6.750.000.000
- Công ty cổ phần được thiết bị y tế Đà Nẵng	81.000	2.025.000.000	81.000	2.025.000.000
- Công ty TNHH du lịch và khoáng sản Mỹ Kim	-	550.000.000	-	550.000.000
Góp vốn với Công ty TNHH được phẩm Đồ Thành để thực hiện dự án		35.000.000.000		35.000.000.000
- Dự án mô đã xây dựng tại tỉnh Hà Tĩnh	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
- Dự án mô đã hoa trắng tại tỉnh Yên Bái	-	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Cộng		44.325.000.000		44.325.000.000

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Phân bổ vào chi phí	Số cuối năm
		trong năm	
Công cụ dụng cụ	184.553.181	(110.731.908)	73.821.273
Bản quyền công nghệ	2.237.441.099	(894.976.452)	1.342.464.647
Cộng	2.421.994.280	(1.005.708.360)	1.416.285.920

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Số phát sinh	230.027.726
Số cuối năm	230.027.726

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng:		
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	-	37.952.889.353
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ ⁽ⁱ⁾	96.837.741.566	73.424.389.759
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	25.492.200.000	25.475.466.047
- Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	21.108.594.305	20.401.537.950
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam ^(iv)	29.741.496.533	-
Cộng	<u>173.180.032.404</u>	<u>157.254.283.109</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty (xem thuyết minh số V.12 và V.13).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn để bổ sung vốn kinh doanh.

(iii) Khoản vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Thư bảo lãnh của Ông Đào Hữu Hoàng và Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương với giá trị là 23.061.500.000 VND; Các khoản bảo hiểm liên quan đến tài sản đang có hoặc sẽ có với tổng giá trị không thấp hơn 1.000.000,00 USD; Các khoản phải thu khách hàng và hàng hóa tồn trong kho được định giá 37.049.017.216 VND (xem thuyết minh số V.4 và V.8).

(iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam để bổ sung vốn kinh doanh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	157.254.283.109	149.911.196.269
Số tiền vay phát sinh	452.155.596.736	379.922.617.112
Số tiền vay đã trả	(436.229.847.441)	(372.579.530.272)
Số cuối năm	<u>173.180.032.404</u>	<u>157.254.283.109</u>

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	14.207.497.897	13.404.776.044
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.975.989.774	13.506.597.476
Cộng	<u>16.183.487.671</u>	<u>26.911.373.520</u>

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	1.036.485.000	514.284.650
Các khách hàng nước ngoài	34.650	4.445.558
Cộng	<u>1.036.519.650</u>	<u>518.730.208</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.177.789.706	(935.517.102)	(2.184.281.915)	57.990.689
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.933.647.660	(5.933.647.660)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(190.068.674)	1.679.228.851	(1.489.160.177)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.382.812.185	5.751.434.601	(5.212.565.457)	1.921.681.329
Thuế thu nhập cá nhân	205.069.400	262.696.400	(210.669.400)	257.096.400
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	113.804.158	(91.699.535)	(3.000.000)	19.104.623
Cộng	4.689.406.775	12.599.790.875	(15.033.324.609)	2.255.873.041

Thuế nhập khẩu nộp thừa được trình bày tại chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dược phẩm 05 %
- Hoạt động khác 10 %

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ năm đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế (năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Trong năm 2008, Công ty đã đầu tư một dự án mở rộng sản xuất "Xây dựng nhà máy dược phẩm mới" và dự án này được đưa vào sử dụng vào năm 2009. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 03 năm đầu và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo tính theo lợi nhuận thu được từ dự án. Năm 2009 là năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ dự án này.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% (năm trước thuế suất là 25%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.853.733.675	20.225.823.349
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	6.959.944.250	15.310.118.200
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.256.339.451)	(2.090.056.735)
Thu nhập tính thuế	44.557.338.474	33.445.884.814
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	9.802.614.464	8.361.471.204

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(4.380.933.135)</i>	<i>(5.853.029.843)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>5.421.681.329</i>	<i>2.508.441.361</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>329.753.272</i>	<i>36.515.484</i>
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.751.434.601	2.544.956.845

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 phải trả cho nhân viên.

24. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	836.098.927	282.827.273
Chi phí bù thầu	624.671.374	-
Chi phí khác	899.555.844	289.791.001
Cộng	2.360.326.145	572.618.274

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	279.123.898	280.765.315
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	772.319.147	636.753.776
Cổ tức phải trả	41.773.634.750	41.773.634.750
Các khoản phải trả khác	1.275.314.675	1.181.066.275
Cộng	44.100.392.470	43.872.220.116

26. Các khoản phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền hợp tác dự án khu nhà ở Long Trường:		
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà	168.150.000.000	168.150.000.000
- Bà Đỗ Thị Hằng	10.239.935.350	10.239.935.350
- Bà Chu Thị Thu Phương	44.512.897.900	44.512.897.900
Cộng	222.902.833.250	222.902.833.250

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**27. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	314.341.200.356	655.190.198.856
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	17.504.285.678	17.504.285.678
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	317.845.486.034	658.694.484.534
Số dư đầu năm nay	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	317.845.486.034	658.694.484.534
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	35.700.341.388	35.700.341.388
Các khoản điều chỉnh khác	-	-	-	(329.753.279)	(329.753.279)
Số dư cuối năm nay	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	353.216.074.143	694.065.072.643

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.000.000	14.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	230.000	230.000
- Cổ phiếu phổ thông	230.000	230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	656.883.342.543	521.298.163.096
- Doanh thu bán hàng hóa	275.977.206.118	217.420.804.978
- Doanh thu bán thành phẩm	379.160.681.885	302.131.903.578
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.745.454.540	1.745.454.540
Các khoản giảm trừ doanh thu	(99.145.743.891)	(80.167.367.593)
- Chiết khấu thương mại	(9.322.101.405)	(6.376.490.068)
- Hàng bán bị trả lại	(89.823.642.486)	(73.790.877.525)
Doanh thu thuần	557.737.598.652	441.130.795.503
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	250.020.699.118	215.407.294.678
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	305.971.444.994	223.978.046.285
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.745.454.540	1.745.454.540

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	241.702.020.739	205.355.075.034
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	182.326.995.315	151.557.099.753
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(182.344.123)	(27.321.607)
Cộng	<u>423.846.671.931</u>	<u>356.884.853.180</u>

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	148.611.434.800	116.913.910.556
Chi nhân công trực tiếp	6.821.556.732	5.275.840.773
Chi phí sản xuất chung	33.536.423.865	31.973.268.798
Tổng chi phí sản xuất	188.969.415.397	154.163.020.127
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(1.589.614.927)	(3.472.288.806)
Trừ: xuất khác	-	(36.289.743)
Tổng giá thành sản xuất	187.379.800.470	150.654.441.578
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(210.646.446)	3.963.432.709
Trừ: xuất khác	(4.842.158.709)	(3.060.774.534)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	<u>182.326.995.315</u>	<u>151.557.099.753</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	13.260.443	15.939.736
Lãi tiền cho vay	5.181.873.551	14.935.519.160
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	905.690.512	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	238.677.546	45.299.023
Doanh thu tài chính khác	-	404.953
Cộng	<u>6.339.502.052</u>	<u>14.997.162.872</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	13.592.817.983	16.786.729.966
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	12.250.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	222.586.823
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	727.433.805	936.885.755
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	11.100.000.000	-
Cộng	<u>25.420.251.788</u>	<u>30.196.202.544</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	786.882.909	406.398.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.252.646.153	16.906.628.604
Chi phí băng tiền khác	50.882.224.004	19.885.656.057
Cộng	<u>55.921.753.066</u>	<u>37.198.683.089</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.165.014.352	4.556.089.025
Chi phí đồ dùng văn phòng	613.490.937	997.881.705
Chi phí khấu hao TSCĐ	360.115.976	349.876.334
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dự phòng	6.269.306.558	1.290.673.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.678.847.893	1.927.302.812
Chi phí bằng tiền khác	3.061.035.628	2.357.535.020
Cộng	<u>18.150.811.344</u>	<u>11.479.358.025</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.700.341.388	17.504.285.678
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.700.341.388	17.504.285.678
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.770.000	13.770.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.593</u>	<u>1.271</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	153.065.148.661	121.978.663.730
Chi phí nhân công	21.086.057.952	17.141.162.237
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.233.165.947	13.944.402.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.660.570.524	24.909.348.716
Chi phí khác	60.997.036.723	24.867.484.431
Cộng	<u>263.041.979.807</u>	<u>202.841.061.241</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản và thanh toán bằng cầm trừ công nợ	1.942.150.000	-
Ghi tăng giá trị công trình xây dựng cơ bản dở dang từ khoản tiền đã ứng trước nhà cung cấp từ các năm trước.	4.237.850.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết góp vốn

Theo thỏa thuận giữa Công ty cổ phần tập đoàn A.S.V, Công ty cổ phần S.P.M và ông Lê Toàn để góp vốn thành lập Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt, Công ty cam kết sẽ góp 30% trong tổng vốn đầu tư của dự án là 125.000.000.000 VND. Việc góp vốn này được thực hiện theo tiến độ thi công của dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty đã đầu tư được 26.971.296.825 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt theo cam kết là 10.528.703.175 VND (xem thuyết minh số V.15).

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Hội đồng quản trị</i>		
Cho vay	203.145.740	12.106.357.600
Lãi cho vay	4.611.290.399	9.904.445.947

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị và cá nhân có quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị còn bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.19).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền cho vay	49.114.623.839	50.499.169.049
Phải thu tiền tạm ứng	32.921.650	44.781.650
Phải thu lãi cho vay	26.064.211.276	21.452.920.877
Cộng nợ phải thu	<u>75.211.756.765</u>	<u>71.996.871.576</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 2.122.168.000 VND (năm trước là 2.185.694.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành	Chủ đầu tư của công ty này có quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty
Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành		
Bán thành phẩm, hàng hóa	427.373.683.697	457.967.519.520
Cho thuê kho	1.745.454.540	1.745.454.545
Lãi cho vay	570.583.152	1.800.542.819
Chuyển nhượng dự án	-	20.111.030.000
Mua hàng hóa	200.000.000	1.818.181.818
Mua nguyên liệu	5.831.979.325	951.185.540
Mua công cụ dụng cụ	-	106.000.000
Chi phí khác	6.834.427	-
Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt		
Góp vốn	-	57.820.565

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành		
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm, lãi cho vay, thanh lý khoản đầu tư	471.462.581.063	420.587.657.188
Phải thu tiền cho vay	5.766.479.525	5.766.479.525
Phải thu tiền góp vốn vào dự án đầu tư	-	35.000.000.000
Công ty cổ phần dược phẩm Ánh Sao Việt		
Chi hộ	-	21.552.800
Cộng nợ phải thu	<u>477.229.060.588</u>	<u>461.375.689.513</u>
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành		
Phải trả tiền hàng	-	2.000.000.000
Cộng nợ phải trả	<u>-</u>	<u>2.000.000.000</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược phẩm: sản xuất thuốc và các thực phẩm chức năng, bán sản phẩm trong nước thông qua đại lý phân phối độc quyền và trực tiếp xuất khẩu sản phẩm.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa dược phẩm: mua bán thuốc nhập khẩu từ nước ngoài.
- Lĩnh vực bất động sản: đầu tư vào dự án bất động sản.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là Việt Nam và các nước Myanmar, Hàn Quốc, Nigeria.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Việt Nam	549.532.750.680	430.074.746.671
Myanmar	7.668.633.239	9.403.804.065
Hàn Quốc	536.214.733	746.819.807
Nigeria	-	905.424.960
Cộng	<u>557.737.598.652</u>	<u>441.130.795.503</u>

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty TNHH được phẩm Đô Thành với số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chiếm 94,98% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chiếm 94,70%). Các khách hàng khác có số dư dưới 5,02% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty liên quan và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.432.201.175	-	-	1.432.201.175
Phải thu khách hàng	367.794.509.649	114.724.696.538	13.846.000.627	496.365.206.814
Các khoản cho vay	54.881.103.364	-	37.000.000.000	91.881.103.364
Các khoản phải thu khác	14.287.921.140	57.434.211.276	-	71.722.132.416
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	44.325.000.000	-	-	44.325.000.000
Cộng	482.720.735.328	172.158.907.814	50.846.000.627	705.725.643.769

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	6.125.237.523	-	-	6.125.237.523
Phải thu khách hàng	7.603.596.841	434.120.704.674	2.396.415.435	444.120.716.950
Các khoản cho vay	93.265.648.574	-	-	93.265.648.574
Các khoản phải thu khác	14.343.777.829	52.822.920.877	-	67.166.698.706
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	44.325.000.000	-	-	44.325.000.000
Cộng	165.663.260.767	486.943.625.551	2.396.415.435	655.003.301.753

Chi tiết thời gian quá hạn của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Quá hạn dưới 06 tháng	Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	Quá hạn trên 02 năm đến dưới 03 năm	Quá hạn trên 03 năm	Cộng
Số cuối năm						
Phải thu khách hàng	103.709.027.123	11.015.669.415	-	-	-	114.724.696.538
Các khoản phải thu khác	1.962.819.840	2.648.470.559	24.113.777.496	20.190.568.312	8.518.575.069	57.434.211.276
Cộng	105.671.846.963	13.664.139.974	24.113.777.496	20.190.568.312	8.518.575.069	172.158.907.814
Số đầu năm						
Phải thu khách hàng	351.830.282.438	68.757.374.750	13.533.047.486	-	-	434.120.704.674
Các khoản phải thu khác	13.055.108.010	11.058.669.486	20.190.568.312	5.934.758.011	2.583.817.058	52.822.920.877
Cộng	364.885.390.448	79.816.044.236	33.723.615.798	5.934.758.011	2.583.817.058	486.943.625.551

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu hàng hóa và nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.236,61	-	1.016,89	-
Phải trả người bán	(88.143,00)	-	(327.377,00)	(228.918,40)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(86.906,39)	-	(326.360,11)	(228.918,40)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản cho vay	91.881.103.364	93.265.648.574
Vay và nợ	(173.180.032.404)	(157.254.283.109)
Nợ phải trả thuần	(81.298.929.040)	(63.988.634.535)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.625.978.581 VND (năm trước giảm/tăng 1.279.772.691 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp các khoản phải thu của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.4 và V.19).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.432.201.175	-	6.125.237.523	-	1.432.201.175	6.125.237.523
Phải thu khách hàng	496.365.206.814	(7.954.529.593)	444.120.716.950	(1.685.223.035)	488.410.677.221	442.435.493.915
Các khoản cho vay	91.881.103.364	(11.100.000.000)	93.265.648.574	-	80.781.103.364	93.265.648.574
Các khoản phải thu khác	71.722.132.416	-	67.166.698.706	-	71.722.132.416	67.166.698.706
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	44.325.000.000	-	44.325.000.000	-	44.325.000.000	44.325.000.000
Cộng	705.725.643.769	(19.054.529.593)	655.003.301.753	(1.685.223.035)	686.671.114.176	653.318.078.718

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	173.180.032.404	157.254.283.109	173.180.032.404	157.254.283.109
Phải trả người bán	16.183.487.671	26.911.373.520	16.183.487.671	26.911.373.520
Các khoản phải trả khác	45.409.275.570	43.527.319.299	45.409.275.570	43.527.319.299
Cộng	234.772.795.645	227.692.975.928	234.772.795.645	227.692.975.928

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2015


Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu


Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	305.971.444.994	251.766.153.658	-	-	557.737.598.652
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	305.971.444.994	251.766.153.658	-	-	557.737.598.652
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	93.148.461.135	(15.179.287.480)	-	-	77.969.173.655
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(18.150.811.344)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	59.818.362.311
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	6.339.502.052
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(25.420.251.788)
Thu nhập khác	-	-	-	-	207.413.763
Chi phí khác	-	-	-	-	(91.292.663)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(5.421.681.329)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	268.289.042
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.371.323.740	-	-	-	8.371.323.740
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	14.238.874.307	-	-	-	14.238.874.307
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	6.086.962.435	-	-	-	6.086.962.435



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	223.978.046.285	217.152.749.218	-	-	441.130.795.503
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	223.978.046.285	217.152.749.218	-	-	441.130.795.503
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	53.666.520.512	(6.619.261.278)	-	-	47.047.259.234
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(11.479.358.025)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	35.567.901.209
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	14.997.162.872
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(30.196.202.544)
Thu nhập khác	-	-	-	-	110.633.338
Chi phí khác	-	-	-	-	(253.671.526)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(2.544.956.845)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	(176.580.826)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.111.572.990	-	-	-	17.504.285.678
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.111.572.990	-	-	-	3.111.572.990
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(14.284.285.011)	-	-	-	(14.284.285.011)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	(1.290.673.129)	-	-	-	(1.290.673.129)



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu công nghiệp Tân Tạo, đường số 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	463.162.883.003	185.190.439.335	285.045.203.530	-	933.398.525.868
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					225.148.812.640
Tổng tài sản	463.162.883.003	185.190.439.335	285.045.203.530	-	1.158.547.338.508
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	199.805.797.865	-	222.902.833.250	-	422.708.631.115
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					41.773.634.750
Tổng nợ phải trả	199.805.797.865	-	222.902.833.250	-	464.482.265.865
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	370.810.778.647	173.552.117.802	280.807.353.530	-	825.170.249.979
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					292.619.526.792
Tổng tài sản	370.810.778.647	173.552.117.802	280.807.353.530	-	1.117.789.776.771
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	187.861.247.128	6.557.577.109	222.902.833.250	-	417.321.657.487
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					41.773.634.750
Tổng nợ phải trả	187.861.247.128	6.557.577.109	222.902.833.250	-	459.095.292.237



Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng




Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

